

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN E  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 109/2023/DS-ST

Ngày: 29-12-2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Xuân C

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Hoàng Tuyển

- Ông Bui Hoàng Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 349/2023/TLST - DS, ngày 26 tháng 10 năm 2023, về việc kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2023/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2023/QĐST-DS, ngày 20/12/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Tuyết Đ. Địa chỉ: Số 384 Giải Phóng, tổ dân phố 6, thị trấn D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Bị đơn:

Ông Cao Quốc C, vắng mặt.

Bà Lê Thị Hoài H, có mặt.

Địa chỉ: Buôn Lê B, thị trấn D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Bùi Thị Tuyết Đ trình bày:*

Ngày 18/9/2023, tôi có cho vợ chồng H, C (sau đây gọi tắt là vợ chồng bà H) vay số tiền 1.100.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, hẹn một ngày sau ngân hàng làm xong hồ sơ đáo hạn sẽ trả cho tôi. Đến ngày 04/10/2023, vợ chồng H, C vay thêm 148.000.000 đồng để trả tiền lãi, hẹn đến ngày 04/12/2023 sẽ trả cho tôi. Tổng cộng vợ chồng H, C nợ tôi là 1.248.000.000 đồng. Tuy nhiên đến nay, vợ chồng H, C vẫn chưa trả số nợ trên cho tôi. Tuy 148.000.000 đồng chưa đến

hạn trả nợ nhưng hiện nay ông C đang lẩn trốn không chịu về trả nợ cho tôi, và vợ chồng H, C có dấu hiệu tẩu tán tài sản để đi nơi khác không trả nợ.

Nay tôi viết đơn này yêu cầu Tòa án buộc ông C và bà H phải trả cho tôi số tiền là 1.248.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bốn mươi tám triệu đồng) và tiền lãi suất đối với số nợ 1.100.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra tôi không còn yêu cầu nào khác.

*Tại bản tự khai và trong quá trình làm việc bị đơn bà Lê Thị Hoài H trình bày:*

Tôi công nhận chữ ký và chữ viết trong Giấy vay tiền đề ngày 18/9/2023; Giấy vay tiền đề ngày 04/10/2023 là của tôi và chồng tôi ký. Tôi thừa nhận hiện vợ chồng tôi đang nợ bà Đ tổng số tiền 1.248.000.000 đồng. Cụ thể:

Vào ngày 18/9/2023 tôi có vay của bà Bùi Thị Tuyết Đ số tiền 1.100.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Khi vay chúng tôi hẹn 01 ngày sau đáo hạn được sẽ trả cho ngân hàng. Ngày 04/10/2023 tôi tiếp tục vay bà Đ 148.000.000 đồng để trả lãi xuất đối với số tiền vay trên, hẹn đến ngày 04/12/2023 sẽ trả cho bà Đ. Tổng cộng tôi nợ 1.248.000.000 đồng. Do chồng tôi đã bỏ đi khỏi địa pH, không biết đi đâu nên không làm thủ tục vay tiền lại ngân hàng được nên không có tiền để trả cho bà Đ. Hiện nay vợ chồng tôi vẫn còn nợ bà Đ tổng số tiền 1.248.000.000 đồng. Số tiền vay bà Đ để đáo hạn ngân hàng là nợ chung vì số nợ ngân hàng là vay cho chồng tôi làm ăn. Hiện nay, bà Đ khởi kiện yêu cầu tôi trả số trả số nợ trên và tiền lãi suất thì tôi mong muốn thỏa thuận với bà Đ để khi nào tôi bán được nhà tôi sẽ trả chứ tôi không chây lỳ, xin hẹn một thời gian để tôi xử lý việc gia đình và vay lại Ngân hàng được thì tôi sẽ trả dần số nợ trên cho bà Đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Bùi Thị Tuyết Đ và bị đơn ông Cao Quốc C, bà Lê Thị Hoài H là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Cao Quốc C nhiều lần nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập ông Cao Quốc C đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngày 18/9/2023, bà Đ có cho vợ chồng bà H, ông C C vay số tiền 1.100.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, hẹn một ngày sau sẽ trả. Đến ngày 04/10/2023, vợ chồng bà H vay thêm 148.000.000 đồng để trả tiền lãi ngân hàng, hẹn đến ngày 04/12/2023 sẽ trả. Tổng cộng vợ chồng bà H nợ bà Đ là 1.248.000.000 đồng. Tuy nhiên đến nay, vợ chồng bà H vẫn chưa trả số nợ trên

cho bà Đ. Do đó, bà Đ yêu cầu ông C và bà H phải trả cho cho bà Đ số tiền vay gốc là 1.248.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bốn mươi tám triệu đồng) và tiền lãi suất đối với số nợ 1.100.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Xét yêu cầu của bà Đ yêu cầu bà H, ông C trả số tiền 1.248.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H đều thừa nhận có ký nhận vào các giấy vay tiền ngày 18/9/2023, ngày 04/10/2023 và không có ý kiến gì về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Do đó, đây là tình tiết, chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Tại biên bản xác minh tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh E – Bắc Đăk Lăk thể hiện: Ông C và bà H có ký hợp đồng tín dụng để vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh E. Đến ngày 18/9/2023 đã tất toán số tiền vay, bà H đã trả 1.099.949.315 đồng tiền gốc và tiền lãi. Vào ngày 04/10/2023 bà H đã trả tại Ngân hàng số tiền 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 101.476.083 đồng tiền lãi. Sau đó bà H có nguyện vọng được vay lại nhưng ông Cương không có mặt tại địa pH nên không làm thủ tục vay tại ngân hàng được. Do đó lời khai của bà Đ và bà H là phù hợp với diễn biến sự việc. Tuy ông C không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án nhưng khoản nợ bà H vay của bà Đ dùng để trả đối với khoản nợ chung của ông C, bà H nên xác định khoản vay 1.248.000.000 đồng là nợ chung của ông C, bà H.

[2.2] Đối với hợp đồng vay số tiền 148.000.000 đồng. Thời điểm bà Đ khởi kiện chưa đến thời hạn trả tiền. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử đã quá thời hạn trả tiền nhưng vợ bà H, ông C vẫn không trả số tiền đã vay này cho bà Đ, nên bà Đ yêu cầu vợ chồng bà H trả số tiền 148.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Xét thấy, việc thiết lập hợp đồng vay tài sản giữa bà Đ với bà H, ông C là có thật, hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Bà Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình nhưng bà H, ông C không thực hiện nghĩa vụ là phải trả tiền đúng thời hạn đã thỏa thuận. Như vậy, bà H, ông C đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, bà Đ yêu cầu bà H, ông C trả nợ số tiền 1.248.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Đ yêu cầu bà H, ông C trả lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền vay là 1.100.000.000 đồng. Theo giấy vay tiền ngày 18/9/2023 các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ ngày 19/9/2023, không thỏa thuận lãi suất. Nên cần xác định thời hạn vi phạm trả nợ là hết ngày 19/9/2023.

Do các đương sự không có thỏa thuận rõ về lãi suất nên cần áp dụng quy

định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ về lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều này tại thời điểm trả nợ.* Như vậy mức lãi suất được tính như sau:

Khoản vay 1.100.000.000 đồng: Thời gian tính lãi từ ngày 20/9/2023 đến ngày 29/12/2023 là 03 tháng 11 ngày.

Tiền lãi là: 1.100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 03 tháng 09 ngày = 30.250.000 đồng.

Do đó cần buộc bà Hương, ông C trả cho bà Đ tổng số tiền gốc là tiền lãi là:

1.100.000.000 đồng + 30.250.000 đồng + 148.000.000 đồng = 1.278.250.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Cần buộc ông Cao Quốc C và bà Lê Thị Hoài H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cần trả lại cho bà Bùi Thị Tuyết Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 43 của luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Tuyết Đ. Buộc ông Cao Quốc C và bà Nguyễn Thị Hoài H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị Tuyết Đ số tiền 1.278.250.000 đồng (*Một tỉ hai trăm bảy mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

2. Về án phí dân sự: Buộc vợ chồng ông Cao Quốc C và bà Nguyễn Thị Hoài H phải chịu 50.347.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Bùi Thị Tuyết Đ số tiền 24.720.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E theo biên lai số AA/2021/0011738, ngày 24/10/2023.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện E;
- Thi hành án dân sự huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Xuân C**